

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HC-ST;
Ngày: 16/02/2022;
Về khiếu kiện: “Hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Nguyên;

2. Bà Lê Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 55/2020/TLST-HC ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc khiếu kiện “Hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2021/QĐXXST-HC ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Bitinh Bến Tre. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thanh T – Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Chủ tịch. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Văn Đ – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc T – Chủ tịch. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

2/ Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Quốc T – Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H – Phó Trưởng Phân khu phòng hộ huyện Bình Đại. (có mặt)

- 3/ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B;
Người đại diện theo pháp luật: Trần Thanh H – Trưởng Phòng
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Đ – Phó trưởng Phòng Tài
nguyên và Môi trường huyện B. (có mặt)
- 4/ UBND xã Thừa Đức, huyện B;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng L – Chủ tịch;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Công chức Địa chính
– xây dựng – nông nghiệp – môi trường. (xin vắng mặt)
- 5/ Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1956; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B,
tỉnh Bến Tre.
- 6/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1968; địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện B,
tỉnh Bến Tre.
- Ông M và bà H cùng ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh B.
- *Người làm chứng của người khởi kiện:*
- 1/ Ông Bùi Văn H, sinh năm: 1964; địa chỉ: ấp 9, xã B, huyện B, tỉnh
Bến Tre;
- 2/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B,
tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao
nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà, người
khởi kiện – ông Nguyễn Thanh B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp – Luật
sư Nguyễn Thanh T cùng trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tại thửa đất số 581 và số 582, tờ bản đồ số 18, tọa lạc ấp
T, xã T, huyện B: Theo Hợp đồng mua bán đất ngày 14/10/2007 giữa ông và ông
Nguyễn Văn M, ông M có bán cho ông 02 thửa đất số 581 và số 582, tờ bản đồ số
18, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, Bến Tre tổng diện tích 9.565,8m² đất trồng cây lâu
năm mà ông M đã trực tiếp canh tác sử dụng từ trước năm 1980 với giá
120.000.000 đồng; Hiện trạng từ khi mua đến nay, ông cải tạo nuôi tôm cá, sò
huyết và trồng cây dừa nước.

Theo 02 Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 04/11/2019 và ngày 19/02/2020 có
xác nhận của UBND xã T, đã thống nhất xác định nguồn gốc sử dụng đất: “Thửa
đất số 581, 582 tờ bản đồ 18 có nguồn gốc của bà Nguyễn Ngọc H quản lý sử dụng
từ trước năm 1980 là đất cây lâu năm của bà Nguyễn Ngọc H quản lý sử dụng đến
12/8/2007 thì chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M cũng là
đất cây lâu năm. Ông Nguyễn Văn M quản lý sử dụng đất đến 14/10/2007 thì
chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Thanh
B sử dụng đất từ năm 2007 đến hiện tại là đất cây lâu năm. Tình trạng sử dụng đất:
ổn định, lâu năm, không tranh chấp”.

Trong quá trình đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, địa chính xã
làm sai sót nhiều lần nên hồ sơ của ông bị bộ phận một của trả về nhiều lần.

Ngày 22/4/2020, Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng tỉnh Bến Tre ban hành Công Văn số 119/BQL-KTBVR có nội dung “đề nghị UBND xã Thừa Đức không thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy Chứng Nhận quyền sử dụng 14 thửa đất trên cho các hộ dân” là vượt quá thẩm quyền, trái với nội dung của Quyết định số 346/QĐ-UB ngày 06/8/2013, Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 và Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh Bến Tre;

Ngày 23/4/2020, UBND xã Thừa Đức ban hành Công Văn số 231/UBND căn cứ vào Công Văn 119/BQL-KTBVR trên để “tạm không xử lý thủ tục hành chính” trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 14 thửa đất, tờ bản đồ số 18 trong đó có 02 thửa đất của ông là hoàn toàn không đúng quy định của pháp luật;

Từ khi hoàn tất các thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất, tính từ thời điểm lấy ý kiến khu dân cư ngày 09/11/2019, Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND xã ngày 26/3/2020, đến nay là 09 tháng, ông vẫn chưa được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Ông đã liên tục khiếu nại nhiều lần đến UBND xã Thừa Đức, UBND huyện B và các cơ quan chức năng gần 09 tháng nay, nhưng vẫn không được giải quyết hay trả lời.

Với các tình tiết và chứng cứ nói trên, ông yêu cầu TAND tỉnh Bến Tre xem xét giải quyết buộc UBND huyện B thực hiện hành vi hành chính là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất số 581, tờ bản đồ số 18 diện tích 6.286,3m² đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 582, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.279,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, Bến Tre cho ông.

Theo Văn bản số 819/UBND-NC ngày 05/4/2021 của UBND huyện B, người bị kiện trình bày:

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện B có Tờ trình số 1808/TTr-UBND nội dung xin chủ trương Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn để giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thanh B.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có Công văn số 2460/SNN-CCKL nội dung không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 581, 582 tờ bản đồ số 18, xã T, loại đất trồng cây lâu năm cho hộ dân. Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2020 thì phần đất trên thuộc loại đất trồng cây lâu năm được quy hoạch đất rừng.

Do thửa đất trên thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý Rừng phòng hộ và Đặc dụng Bến Tre (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) nên Ủy ban nhân dân huyện B không thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh B là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

Theo Văn bản số 83/TNMT ngày 28/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Phòng TNMT huyện B trình bày:

Thống nhất với ý kiến của UBND huyện B. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

Theo Văn bản số 20/BQLR-HCTH ngày 14/01/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng trình bày:

Từ năm 1993 đến nay thì 02 thửa đất số 581 và 582 là thuộc quy hoạch lâm nghiệp và được UBND tỉnh Bến Tre giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng theo các quyết định sau: Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 07/6/1994 về việc thu hồi và giao đất cho Ban chủ dự án huyện Bình Đại thực hiện dự án Lâm Ngư Công nghiệp phòng hộ ven biển huyện Bình Đại; Quyết định số 4271/QĐ-UBND ngày 12/09/2005 về việc giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng để trồng rừng phòng hộ ven biển huyện Bình Đại và huyện Ba Tri giai đoạn 2005-2010; Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 06/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2020; hiện nay đã được rà soát đề xuất phát triển hệ thống rừng đặc dụng tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2030 báo cáo về Bộ Nông nghiệp theo Công văn số 5291/BNN-TCLN ngày 10/8/2020.

Do viên chức Ban Quản lý rừng dẫn đoàn đi đo đạc không nắm rõ ranh giới đất lâm nghiệp nên chỉ điểm các trụ ranh không đúng, dẫn đến Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bến Tre về việc giao đất rừng cho Ban Quản lý Rừng Phòng hộ và Đặc dụng quản lý, rà soát, đăng ký đất đai trên địa bàn huyện B không có 02 thửa đất này và một số thửa khác thuộc tờ bản đồ số 18 xã T, huyện B. Khi phát hiện vụ việc trên Ban Quản lý Rừng Phòng hộ và Đặc dụng có báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và có thành lập 01 Hội đồng xem xét kỷ luật viên chức phụ trách.

Nhằm đảm bảo đủ diện tích và đúng ranh giới đất lâm nghiệp theo như Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng Bến Tre giai đoạn 2012-2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phê duyệt. Ban Quản lý Rừng Phòng hộ và Đặc dụng đã kiến nghị các ngành chức năng xem xét tham mưu UBND tỉnh Bến Tre điều chỉnh Quyết định 218/QĐ- UBND ngày 29/01/2016 để bổ sung các thửa đất chưa được rà soát (bao gồm cả thửa số 581, 582 nêu trên) thuộc tờ bản đồ số 18, xã T, huyện B cho phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh.

Do thửa đất trên thuộc phạm vi quản lý của Ban quản lý Rừng phòng hộ và Đặc dụng Bến Tre (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) nên Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại không thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh B là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND xã T, huyện B trình bày:

Thống nhất với ý kiến của UBND huyện B. Đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND tỉnh Bến Tre trình bày:

Việc UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về việc giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng (có địa chỉ tại xã Thạnh Hải, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre) diện tích 2.845,7ha tại huyện Bình Đại là trên cơ sở kết quả công tác rà soát, đăng ký đất đai trên địa bàn huyện Bình Đại của các cơ quan chức năng và công tác thẩm định, tham mưu của

Sở Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh Bến Tre là phù hợp với pháp luật.

Việc UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 4271/QĐ-UBND ngày 09/12/2005 về việc giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng tỉnh Bến Tre để trồng rừng phòng hộ ven biển huyện Bình Đại và huyện Ba Tri, giai đoạn 2005-2010 với tổng diện tích là 36.054.000m² (trong đó huyện Bình Đại diện tích là 18.892.000m² và huyện Ba Tri diện tích là 17.162.000m²) là trên cơ sở kết quả công tác rà soát, đăng ký đất đai trên địa bàn tỉnh Bến Tre của các cơ quan chức năng và công tác thẩm định, tham mưu của Sở Tài nguyên và Môi trường, Quyết định 4271/QĐ-UBND ngày 09/12/2005 của UBND tỉnh Bến Tre là phù hợp với pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh B đối với 02 thửa đất số 581, tờ bản đồ số 18 diện tích 6.286,3m² đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 582, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.279,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, Bến Tre.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thanh B khởi kiện về hành vi hành chính đối với UBND huyện B, tỉnh Bến Tre về việc không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 581, 582 cùng tờ bản đồ số 18 tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre cho ông Nguyễn Thanh B.

Căn cứ Khoản 3, 4 Điều 3 và các Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì hành vi hành chính nêu trên thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 10/02/2020, ông Nguyễn Thanh B làm thủ tục xin đăng ký cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất tại UBND xã T, huyện B. Hồ sơ của ông đã được UBND xã T tiếp nhận, đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư và kết thúc thủ tục niêm yết công khai vào ngày 24/3/2020. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh B được chuyển đến UBND huyện B để xem xét.

Ngày 22/4/2020, Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng (gọi tắt là Ban quản lý rừng) có Công văn số 119/BQL-KTBVR đề nghị UBND xã T không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 14 thửa đất trong đó có thửa đất số 581, 582 cùng tờ bản đồ số 18 tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre của ông Nguyễn Thanh B.

Ngày 23/4/2020, UBND xã Thừa Đức có Công văn số 231/UBND trả lời cho các hộ dân trong đó có ông Nguyễn Thanh B về việc tạm dừng không xử lý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không đồng ý với nội dung công văn trên, ông B đã nhiều lần khiếu nại đến các cấp chính quyền nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B đối với hành vi hành chính nêu trên vẫn còn.

- Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Người bị kiện UBND huyện B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND tỉnh Bến Tre và UBND xã T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện, UBND huyện Bình Đại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND tỉnh Bến Tre và UBND xã Thừa Đức.

- Đối với tài liệu, chứng cứ do UBND huyện B, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B cung cấp cho Tòa án: Ngày 18/02/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có Thông báo cung cấp chứng cứ đề nghị UBND huyện B, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến vụ án là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp. Tuy nhiên, UBND huyện B, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B chỉ cung cấp tài liệu chứng cứ là bản photo. Đến ngày 28/4/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhận được Công văn số 83/TNMT có nội dung do các cơ quan hành chính xử lý văn bản trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-Ioffice nên không thể cung cấp tài liệu chứng cứ là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp. Căn cứ khoản 1 Điều 82 Luật tố tụng hành chính quy định: “Tài liệu đọc được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”. Do đó, các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án do UBND huyện B, Phòng tài nguyên và môi trường huyện B cung cấp là bản photo nên không có giá trị pháp lý.

[2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền của hành vi hành chính bị khiếu kiện:

- Về trình tự, thủ tục của hành vi hành chính: Sau khi kết thúc thủ tục niêm yết công khai, ngày 26/3/2020, UBND xã T có Văn bản số 07/XN-UBND xác nhận phần đất mà ông B đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua thời gian công khai không có đơn khiếu nại hay tranh chấp; đồng thời, chuyển hồ sơ đến UBND huyện B để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Trên cơ sở Công văn số 119/BQL-KTBVR ngày 22/4/2020 của Ban quản lý

rừng, ngày 23/4/2020, UBND xã T có Công văn số 231/UBND trả lời cho các hộ dân trong đó có ông Nguyễn Thanh B về việc tạm dừng không xử lý việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo quy định tại Điều 61 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký là không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 11 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc từ chối hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất quy định: “Trường hợp có căn cứ từ chối hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải có văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn người nộp hồ sơ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, gửi văn bản kèm theo hồ sơ cho người nộp hoặc chuyển văn bản và hồ sơ đến bộ phận một cửa, Ủy ban nhân dân cấp xã để trả lại cho người nộp”

Như vậy, đối chiếu với các điều luật trên, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ - UBND xã T, huyện B phải ban hành văn bản nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn người nộp hồ sơ thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, ngày 23/4/2020, UBND xã Thừa Đức mới ban hành Công văn số 231/UBND có nội dung từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là đã quá thời hạn, không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về thẩm quyền của hành vi hành chính: Căn cứ Điều 60 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, UBND xã T tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bình là đúng thẩm quyền. Căn cứ Điều 105 của Luật đất đai năm 2013 thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông B thuộc thẩm quyền của UBND huyện B.

[3] Về nội dung hành vi hành chính bị khiếu kiện:

Ngày 14/10/2007, ông Nguyễn Thanh B và ông Nguyễn Văn M lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với thửa đất số 581, 582 cùng tờ bản đồ số 18, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Phần đất trên có nguồn gốc của ba mẹ bà Nguyễn Ngọc H để lại cho bà H quản lý sử dụng từ trước năm 1980. Ngày 12/8/2007, bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn M toàn bộ 02 thửa đất trên. Ông B quản lý canh tác từ năm 2007 đến nay.

Khi xã T có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông B đã tiến hành đo đạc 02 thửa đất trên để làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã T đã tiến hành lấy ý kiến khu dân cư. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B được niêm yết công khai đến ngày 26/3/2020, UBND xã T có Văn bản số 07/XN-UBND xác nhận phần đất mà ông B đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua thời gian công khai không có đơn khiếu nại hay tranh chấp; đồng thời, chuyển hồ sơ đến UBND huyện B để xem xét.

Tuy nhiên, trong quá trình xem xét hồ sơ, UBND xã T và UBND huyện B lại căn cứ vào Công văn số 119/BQL-KTBVR ngày 22/4/2020 của Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng để không thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 581, 582 cùng tờ bản đồ số 18 tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre của ông Nguyễn Thanh B.

Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng cho rằng thửa đất số 581, 582 cùng tờ bản đồ số 18 tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre mà ông Nguyễn Thanh B yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong diện tích quy hoạch lâm nghiệp và được UBND tỉnh Bến Tre giao đất cho Ban Quản lý rừng theo các quyết định sau: Quyết định 379/QĐ-UBND ngày 07/6/1994 về việc thu hồi và giao đất cho Ban chủ dự án huyện Bình Đại thực hiện dự án Lâm Ngư Công nghiệp phòng hộ ven biển huyện Bình Đại; Quyết định 4271/QĐ-UBND ngày 12/09/2005 về việc giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng để trồng rừng phòng hộ ven biển huyện Bình Đại và huyện Ba Tri giai đoạn 2005-2010; Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 06/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bến Tre giai đoạn 2012-2020; hiện nay đã được rà soát đề xuất phát triển hệ thống rừng đặc dụng tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2030 báo cáo về Bộ Nông nghiệp theo Công văn số 5291/BNN-TCLN ngày 10/8/2020. Tại biên bản đối thoại và tại phiên tòa hôm nay, phía Ban quản lý rừng cho rằng việc đo đạc xác định mốc giới, ranh giới đã có sai sót dẫn đến Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh về việc giao đất rừng cho Ban Quản lý Rừng Phòng hộ và Đặc dụng quản lý, rà soát, đăng ký đất đai trên địa bàn huyện Bình Đại không có 2 thửa đất này và một số thửa khác thuộc tờ bản đồ số 18 xã Thừa Đức, huyện Bình Đại. Sau khi phát hiện ra sự việc này Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng có tờ trình xin ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre trình UBND tỉnh Bến Tre điều chỉnh Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 bổ sung 14 thửa đất trong đó có 02 thửa đất số 581, 582 cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng. Đến ngày 26/8/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 2408/STNMT-CCQLĐĐ trả lời không thực hiện việc điều chỉnh Quyết định số 218/QĐ-UBND mà đề nghị Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, ngày 03/12/2020, Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng có Văn bản số 399/BQLR-KTBVR gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre đề nghị cấp bổ sung 14 thửa đất tại xã Thừa Đức. Ngày 04/12/2020, Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng lập Tờ trình số 401/TTr-BQLR về việc đề nghị cấp bổ sung đất rừng phòng hộ tại xã T do Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng quản lý, rà soát đối với 17 thửa đất. Đến ngày 31/12/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre có Văn bản số 4070/STNMT-CCQLĐĐ đề nghị Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng rà soát lại hiện trạng nguồn gốc sử dụng đất đối với 17 thửa đất trên, đối với các thửa đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng đang quản lý, ổn định không tranh chấp (đất sạch) thì Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định. Nếu trên các thửa đất có hộ dân đang sử dụng thì căn cứ Điều 53 Luật Đất đai năm 2013 về giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác: "... chỉ được thực hiện

sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng”. Đề nghị Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước khi trình UBND tỉnh Bến Tre giao đất cho Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng.

Phía Ban Quản lý Rừng Phòng hộ và Đặc dụng cũng thừa nhận từ trước đến nay hai thửa đất này đều do những chủ đất từ bà H, ông M và đến ông B quản lý canh tác trồng dừa nước thu hoạch, Ban Quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng chưa thực hiện trồng rừng phòng hộ trên 02 thửa đất này.

Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 09/01/2019 (chứng cứ do UBND tỉnh Bến Tre cung cấp), thửa đất 581, 582 tờ bản đồ số 18, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre có “Mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm”. Các bên đều thừa nhận 02 thửa đất 581, 582 này không còn quy hoạch đất rừng phòng hộ từ năm 2016 đến nay.

Tại Công văn số 2961/UBND-NC ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Bến Tre gửi cho Tòa án, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre khẳng định việc ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 là đúng quy định pháp luật. Đến tháng 02/2019, khi ông B làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND xã T hay UBND huyện B cũng không thông báo cho ông B về việc thửa đất số 581, 582 cùng tờ bản đồ số 18 tại xã T, huyện B của ông Nguyễn Thanh B nằm trong diện tích quy hoạch lâm nghiệp mà vẫn tiến hành các thủ tục hành chính để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Hơn nữa, theo các Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và Trích lục thông tin quy hoạch ngày 19/3/2020 và 23/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B (BL 26, 74) đều xác nhận 02 thửa đất trên thuộc loại đất trồng cây lâu năm, ông Bình sử dụng ổn định, không ai tranh chấp. Bên cạnh đó tại Công văn số 1244/TCQLĐĐ-CĐKĐĐ ngày 18/6/2021 của Tổng cục quản lý đất đai về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre cũng đã hướng dẫn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo đó: “Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có các giấy tờ về quyền sử dụng đất thì căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất thì căn cứ quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai, Điều 20, Điều 22, Điều 23 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để xem xét, cấp Giấy chứng nhận.

Trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 105 của Luật đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại Điều 70 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ

Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 cũng như tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố 95 thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tài nguyên môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường thì loại việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện B.

Căn cứ vào các tài liệu do ông B cung cấp thì hồ sơ của ông nộp đã đầy đủ thủ tục theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

Lẽ ra trong trường hợp này Ủy ban nhân dân huyện B có trách nhiệm hướng dẫn ông B thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Sau khi ông B đã nộp bộ hồ sơ làm thủ tục đăng ký hợp lệ thì phải tiếp nhận và thực hiện các quy trình theo Điều 70 của Nghị định số 43/014/NĐ-CP của Chính phủ. Theo quy định tại Điều 61 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký là không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Tại Tòa, đại diện theo ủy quyền của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B cũng xác nhận hiện nay phần đất của ông B đã đủ điều kiện để được cấp quyền sử dụng đất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Ủy ban nhân dân huyện B đã chưa tuân thủ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông B nên cần thiết phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B: Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh B đối với 02 thửa đất số 581, tờ bản đồ số 18 diện tích 6.286,3m² đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 582, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.279,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, Bến Tre cho ông.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh B không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, Điều 79, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B: Buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh B đối với 02 thửa đất số 581, tờ bản đồ số 18 diện tích 6.286,3m² đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 582, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.279,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp T, xã T, huyện B, Bến Tre.

2/ Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh B không phải chịu. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0005175 ngày 21/12/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo; các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV và THA (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b), Văn phòng (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hồ Thị Thanh Thúy